

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MANG THÍT
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2022/DS-ST
Ngày: 20/7/2022
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MANG THÍT, TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Bích

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Phẩm
2. Ông Nguyễn Thành Long

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Mai Phụng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mang Thít không tham gia phiên tòa.

Ngày 20 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 36/2022/TLST-DS ngày 07 tháng 4 năm 2022 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2022/QĐXXST-DS, ngày 13 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1960 (có mặt)

Địa chỉ: ấp TQ, xã TAH, huyện MT, tỉnh Vĩnh Long.

- Bị đơn: 1/ Ông Nguyễn Thanh T, sinh năm 1984 (vắng mặt)

2/ Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1985 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: ấp TQ, xã TAH, huyện MT, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 06/4/2022, trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:

Nguyên vào ngày 19/6/2021 (nhằm ngày 10/5/2021 âm lịch) bà T có cho ông Nguyễn Thanh T vay số tiền là 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng), hai bên có thỏa thuận bằng lời nói thời hạn vay là 03 tháng, cho vay không lãi suất, khi vay tiền ông T là người trực tiếp nhận tiền, ông Nguyễn Thanh T cũng là người trực tiếp viết và ký tên vào biên nhận mượn tiền ngày 10/5/2021 âm lịch.

Khi vay ông T có mượn bà T hốt dùm 01 phần hui với số tiền là 10.000.000 đồng để trả bà T (hui này do bà T tham gia), ông T hứa ông sẽ có trách nhiệm đóng hui chết đến mãn hui, tuy nhiên sau khi bà T hốt hui thì ông T không có đóng lần nào hết, tiền hui chết là do bà T đóng. Do đó ông T vẫn chưa trả bà T được khoản tiền nào hết, ông T vẫn còn nợ bà T 40.000.000 đồng.

Vợ ông T là bà Nguyễn Thị L không biết việc ông T vay tiền của bà T.

Đến hạn ông T không thực hiện đúng theo thỏa thuận, bà T đã nhiều lần điện thoại và gặp trực tiếp yêu cầu ông T trả lại số tiền 40.000.000 đồng, nhưng ông T cứ khất hẹn hết lần này đến lần khác đến nay vẫn chưa trả.

Trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa nguyên đơn bà T rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với bà Nguyễn Thị L, bà T không yêu cầu bà Nguyễn Thị L phải L đới cùng ông Nguyễn Thanh T trả số tiền là 40.000.000 đồng.

Nay nguyên đơn bà T chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc ông Nguyễn Thanh T trả cho bà T số tiền đã vay là 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng), không yêu cầu trả lãi.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án có thông báo cho bị đơn ông Nguyễn Thanh T và bà Nguyễn Thị L biết việc thụ lý vụ án cũng như yêu cầu của nguyên đơn. Nhưng bị đơn không có văn bản trả lời, không có yêu cầu phản tố và vắng mặt tại tất cả các phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; vắng mặt tại các phiên tòa, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng bị đơn vắng mặt không lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Các đương sự tranh chấp hợp đồng vay tài sản là tranh chấp hợp đồng dân sự; bị đơn có nơi cư trú tại xã Tân An Hội, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Quá trình tiến hành tố tụng giải quyết vụ án, mặc dù đã được triệu tập tổng đạt hợp lệ nhưng bị đơn đều vắng mặt không lý do. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn là đúng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung: Xét, nội dung biên nhận mượn tiền ngày 10/5/2021 (âm lịch) thể hiện ông Nguyễn Thanh T có mượn bà Nguyễn Thị T số tiền là 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng) và đã được ông Nguyễn Thanh T ký tên xác nhận. Tòa án đã nhiều lần thông báo cho ông Nguyễn Thanh T đến Tòa án để tham dự phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, cũng như tham dự phiên tòa nhưng ông T đều vắng mặt không có lý do, ông T cũng không có văn bản ý kiến phản bác lại yêu cầu khởi kiện của bà T, thể hiện ông T đã từ bỏ quyền, nghĩa vụ của mình. Điều này cũng chứng tỏ việc ông T có vay của bà

T số tiền là 40.000.000 đồng là có thật. Do đó, xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T yêu cầu bị đơn Nguyễn Thanh T trả lại số tiền là 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng) là có căn cứ, phù hợp theo quy định tại các Điều 463; 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015, nên chấp nhận.

Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị T xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với bị đơn bà Nguyễn Thị L và tại phiên tòa nguyên đơn vẫn giữ nguyên việc rút lại yêu cầu này. Xét thấy, việc nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện là hoàn toàn tự nguyện và không trái quy định của pháp luật, nên căn cứ vào khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với yêu cầu rút của nguyên đơn.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn ông Nguyễn Thanh T phải chịu tiền án phí dân sự có giá ngạch là $40.000.000 \text{ đồng} \times 5\% = 2.000.000 \text{ đồng}$ (Hai triệu đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào các Điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T.

Buộc bị đơn ông Nguyễn Thanh T có nghĩa vụ trả nguyên đơn bà Nguyễn Thị T số tiền là 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T về việc: yêu cầu bà Nguyễn Thị L có nghĩa vụ L đối trả số tiền nợ là 40.000.000 đồng.

3. Về án phí: Buộc bị đơn Nguyễn Thanh T phải nộp 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định, được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo

qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được qui định theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo là 15 (Mười lăm) ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Mang Thít;
- Chi cục THADS huyện Mang Thít;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Ngọc Bích

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Ngọc Bích

